

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: An toàn điện và môi trường công nghiệp (22809001)

Ngày thi: 02/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-08

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Bắc	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	7.3	8,0	8,1	
2	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	5.7	6,0	5,9	
3	2123050232	Mai Thái	Bình	02/10/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.3	4,4	5,2	
4	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.7	7,0	6,9	
5	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	6.5	6,4	6,4	
6	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	0.0			
7	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đang	24/07/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	5.8	6,4	6,2	
8	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	5.6	6,4	6,1	
9	2123050072	Võ Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	5.9	6,8	6,4	
10	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	7.3	7,2	7,2	
11	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	5.6	7,0	6,4	
12	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	7.8	6,2	6,8	
13	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	7.2	7,2	7,2	
14	2123050019	Nguy Thành	Giăng	01/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	7.6	7,8	7,7	
15	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.9	6,8	6,8	
16	2123050202	Mai Nhựt	Hào	23/11/2004	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	6.4	5,8	6,0	
17	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A			0.0			
18	2123110113	Triệu Trung	Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	5.8	6,4	6,2	
19	2123050008	Nguyễn Thái	Hòa	02/06/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	9,0	8,8	
20	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.0	8,6	8,0	
21	2123050010	Nguyễn Thế	Hùng	24/04/2004	CCQ2305A			0.0			
22	2123050057	Trần Phúc	Hưng	18/08/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.1	8,2	7,8	
23	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.3	6,8	7,4	
24	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng	Huy	15/09/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	6.2	8,0	7,3	
25	2123050079	Phùng Nhật	Huy	30/07/2005	CCQ2305B			0.0			
26	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.8	7,0	6,9	
27	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	6.3	7,4	7,0	
28	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	5.2	5,0	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: An toàn điện và môi trường công nghiệp (22809001)

Ngày thi: 02/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-08

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Handwritten signatures and notes:
Hauk
NTThinh
mai
NTMLan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.4	7.8	7.2	
30	2119060014	Nguyễn Ngọc	Khôi	26/06/2001	CCQ1906A			0.0			
31	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	7.6	8.0	7.8	
32	2123050089	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.4	6.2	6.3	
33	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.3	7.0	7.5	
34	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	6.7	7.2	7.0	
35	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.1	8.0	8.0	
36	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	5.8	7.6	6.9	
37	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	7.2	7.8	7.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: An toàn điện và môi trường công nghiệp (22809004)

Ngày thi: 02/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-09

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123230005	Mai Ngô Kỳ	Anh	13/03/2005	CCQ2323A		6.8	7.2	7.0	
2	2123230019	Trần Gia	Bảo	09/09/2004	CCQ2323A		7.0	7.2	7.1	
3	2123230013	Lê Dương Hoàng	Cần	20/01/2005	CCQ2323A		0.0			
4	2123150100	Mao Văn	Cao	31/10/2005	CCQ2315C		6.4	6.6	6.5	
5	2123230028	Hoàng Mạnh	Cường	17/09/2005	CCQ2323A		6.9	6.6	6.7	
6	2123150074	Vũ Huy	Đà	23/03/2005	CCQ2315C		8.1	8.4	8.3	
7	2123150087	Dương Thanh	Đan	03/02/2003	CCQ2315C		7.2	7.4	7.3	
8	2123150088	Nguyễn Trần Hữu	Danh	28/03/2005	CCQ2315C		0.0			
9	2123230029	Nguyễn Thành	Đạt	28/07/2005	CCQ2323A		6.7	7.4	7.1	
10	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	Đạt	28/08/2005	CCQ2315C		6.7	7.0	6.9	
11	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E		5.5	6.2	5.9	
12	2123230011	Nguyễn Tấn	Dũng	11/10/2005	CCQ2323A		6.0	7.2	6.7	
13	2123150075	Nguyễn Đức	Duy	08/07/2005	CCQ2315C		7.2	7.6	7.4	
14	2123150090	Phạm Thế	Duy	05/12/2005	CCQ2315C		6.4	8.6	7.7	
15	2123230017	Võ Khánh	Duy	08/07/2005	CCQ2323A		6.7	6.8	6.8	
16	2123150082	Võ Tùng	Duy	24/04/2005	CCQ2315C		7.4	7.6	7.5	
17	2123230021	Lê Phùng	Giáp	12/12/2004	CCQ2323A		6.9	8.0	7.6	
18	2123230016	Nguyễn Văn	Hạnh	06/05/2004	CCQ2323A		6.8	7.8	7.4	
19	2123150096	Trần	Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C		6.9	6.4	6.6	
20	2123150083	Nguyễn Xuân	Hùng	29/12/2005	CCQ2315C		8.5	7.8	8.1	
21	2123230009	Lê Huỳnh Quốc	Huy	06/09/2005	CCQ2323A		0.0			
22	2123230024	Trần Bảo	Huy	08/08/2005	CCQ2323A		0.0			
23	2123150095	Trần Vũ Quang	Huy	13/09/2005	CCQ2315C		7.1	7.6	7.4	
24	2123150092	Nguyễn Hoàng Bảo	Khanh	07/03/2005	CCQ2315C		7.1	7.6	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: An toàn điện và môi trường công nghiệp (22809004)

Ngày thi: 02/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 17..

Số bài thi:17..

Số tờ giấy thi: 17..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123230015	Dương Thành	Lâm	17/10/2004	CCQ2323A	Lâm	7.3	4.4	5.6	
2	2123150099	Bùi Tấn	Lộc	02/09/2003	CCQ2315C	Lộc	7.1	6.8	6.9	
3	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	Lưu	6.8	8.5	7.5	
4	2123150086	Tăng Trung	Minh	18/09/2005	CCQ2315C		0.0			
5	2123230004	Huỳnh Phương	Nam	05/05/2005	CCQ2323A	Nam	7.5	5.2	6.1	
6	2123230002	Huỳnh Tấn	Nam	14/06/2005	CCQ2323A	Nam	7.9	5.6	6.5	
7	2123230018	Nguyễn Phương	Ngọc	19/04/2005	CCQ2323A	Ngọc	7.9	6.6	7.1	
8	2123150081	Trần Bảo	Ngọc	26/05/2005	CCQ2315C		0.0			
9	2123150078	Huỳnh Văn	Phú	21/03/2005	CCQ2315C	Phú	6.7	5.8	6.2	
10	2123230003	Dương Công	Quang	23/08/2005	CCQ2323A	Quang	7.6	6.6	7.0	
11	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CCQ2315C	Quyên	9.1	8.6	8.8	
12	2123230012	Hồ Xuân	Sáng	12/10/2005	CCQ2323A	Sáng	7.0	6.4	6.6	
13	2123150089	Cao Tấn	Tài	16/01/2005	CCQ2315C	Tài	8.4	7.8	8.0	
14	2123230008	Nguyễn Nhân	Tâm	07/11/2005	CCQ2323A		0.0			
15	2123150085	Trần Quốc	Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C	Thịnh	7.7	7.4	7.5	
16	2123150091	Nguyễn Xuân	Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C	Thuyết	6.2	5.0	5.5	
17	2123230033	Trần Trọng	Trí	22/02/2005	CCQ2323A		0.0			
18	2123150077	Nguyễn Phan Bảo	Trọng	21/07/2005	CCQ2315C	Trọng	8.4	7.8	8.0	
19	2123230031	Nguyễn Đức	Trường	27/11/2005	CCQ2323A	Đức	7.4	8.2	7.9	
20	2123150084	Nguyễn Ngọc	Tuyền	13/05/2004	CCQ2315C	Tuyền	6.5	7.2	6.9	
21	2123230030	Nguyễn Quốc	Vinh	01/01/2005	CCQ2323A		0.0			
22	2123230001	Lê Thanh	Vỹ	25/10/2005	CCQ2323A	Vỹ	7.8	6.4	7.0	

23 Châu Du Dân

viết

10/1

10/1

10/1

10/1

10/1

10/1

10/1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: An toàn điện và môi trường công nghiệp (22809001)

Ngày thi: 02/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi:

T.H. Nam Ng. Bình H. Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Nghĩa	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B		Nghĩa	6.8	6.8	6.8	
2	2123050053	Đinh Quang	Nghiep	23/08/2005	CCQ2305B		Nghiep	6.9	8.8	8.0	
3	2123050070	Phạm Trọng	Nhan	15/07/2005	CCQ2305B		Nhan	8.5	6.2	7.1	
4	2123050234	Lương Thanh	Nor	01/12/2005	CCQ2305E			6.8			
5	2123050194	Hán Ngọc	Phieu	17/03/2005	CCQ2305B		Phieu	7.1	7.6	7.4	
6	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B		Phong	7.6	5.8	6.5	
7	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B			7.2			
8	2123050213	Trần Huy	Phu	02/02/2003	CCQ2305A		Phu	8.1	8.8	8.5	
9	2123050226	Lê Văn	Phung	25/11/2003	CCQ2305E			0.0			
10	2123050227	Báo Tuấn	Phuong	25/10/2005	CCQ2305E			0.0			
11	2123050032	Phạm Minh	Qui	03/03/2004	CCQ2305A		Qui	9.4	9.0	9.2	
12	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Son	28/10/2005	CCQ2305B		Son	6.9	8.2	7.7	
13	2123050009	Nguyễn Thái	Son	02/06/2005	CCQ2305A		Son	8.2	8.4	8.3	
14	2123050230	Trịnh Công	Son	11/10/2005	CCQ2305E		Son	6.3	6.0	6.1	
15	2123050055	Trần Thanh	Tam	30/10/2005	CCQ2305B			0.0			
16	2123050045	Hồ Thanh	Tan	10/08/2005	CCQ2305A		Tan	6.0	6.4	6.2	
17	2123050233	Nguyễn Tấn	Thanh	04/07/2005	CCQ2305A		Tan	6.3	7.0	6.7	
18	2123050075	Nguyễn Hoài	Thinh	08/05/2005	CCQ2305B		Thinh	6.0	6.0	6.0	
19	2123050059	Cao Thiên	Thong	10/04/2005	CCQ2305B		Thong	6.8	6.2	6.4	
20	2123050185	Nguyễn Chí	Thong	17/08/2002	CCQ2305A			0.0			
21	2123050047	Nguyễn	Toan	21/04/2005	CCQ2305A		Toan	7.1	7.2	7.2	
22	2123050056	Nguyễn Công	Tri	28/06/2005	CCQ2305B		Tri	8.1	7.8	7.9	
23	2123050042	Nguyễn Văn	Tri	24/08/2005	CCQ2305A		Tri	5.7	6.0	5.9	
24	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A		Trung	6.3	7.4	7.0	
25	2123050029	Kiều Đan	Truong	18/06/2005	CCQ2305A		Truong	6.7	6.4	6.5	
26	2121150064	Nguyễn Đình	Tu	09/09/2002	CCQ2115B		Tu	6.1	7.0	6.6	
27	2123050005	Nguyễn Huy	Tu	31/08/2005	CCQ2305A		Tu	7.3	7.2	7.2	
28	2123050066	Lê Anh	Tuan	22/08/2005	CCQ2305B		Tuan	6.0	6.6	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: An toàn điện và môi trường công
nghiệp (22809001)

Ngày thi: 02/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi:

Như
T.T.Tam

Bh
NP.Binh

Hau
NTTanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B		Gas	6.2	6,4	6,3	
30	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B		Văn	6.0	5,2	5,5	
31	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A			0.0			
32	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	01	Ý	6.8	4,6	5,5	